

THÔNG BÁO
Công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2017

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Thông báo số 992/TB-KTNN ngày 27/11/2018 của Kiểm toán nhà nước về việc thông báo kết quả kiểm toán tại Trường Đại học Dược Hà Nội.

Căn cứ Biên bản kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2017 của Trường Đại học Dược Hà Nội.

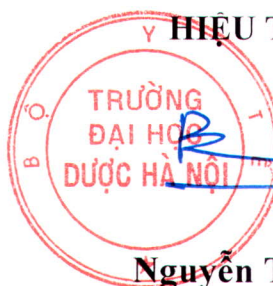
Nhà trường thông báo công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2017.

Hình thức công khai: Thông báo bằng văn bản đến các đơn vị.

Nhà trường thông báo để các bộ môn, phòng, ban, đơn vị được biết. *Thanh*

Nơi nhận:

- Các đơn vị;
- Lưu: VT, TCKT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Bình

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

**TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ NĂM 2017
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI**

(Kèm theo Thông báo số 490/TB-DHN ngày 04/12/2018 của

Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội)

TT	Chỉ tiêu	Số kiểm toán
A	B	1
I	KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG	
1	Kinh phí chưa quyết toán năm trước chuyển sang	2.469.013.734
	- Ngân sách nhà nước	1.643.505.605
	Trong đó:	
	+ NSNN giao	-
	+ Phí, lệ phí để lại	1.643.505.605
	+ Viện trợ	-
	- Kinh phí khác	825.508.129
2	Kinh phí thực nhận trong năm	105.781.324.772
	- Ngân sách nhà nước	87.315.729.261
	Trong đó:	
	+ NSNN giao	48.213.263.261
	+ Phí, lệ phí để lại	39.102.466.000
	+ Viện trợ	-
	- Kinh phí khác	18.465.595.511
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm (1 + 2)	108.250.338.506
	- Ngân sách nhà nước	88.959.234.866
	Trong đó:	
	+ NSNN giao	48.213.263.261
	+ Phí, lệ phí để lại	40.745.971.605
	+ Viện trợ	-
	- Kinh phí khác	19.291.103.640
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm	107.943.538.506
	- Ngân sách nhà nước	88.959.234.866
	Trong đó:	
	+ NSNN giao	48.213.263.261
	+ Phí, lệ phí để lại	40.745.971.605
	+ Viện trợ	-
	- Kinh phí khác	18.984.303.640

TT	Chỉ tiêu	Số kiểm toán
A	B	1
5	Kinh phí giảm trong năm (nộp trả, giảm khác)	-
	- Ngân sách nhà nước	-
	Trong đó:	
	+ NSNN giao	-
	+ Phí, lệ phí để lại	-
	+ Viện trợ	-
	- Kinh phí khác	-
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau (3 - 4 - 5)	306.800.000
	- Ngân sách nhà nước	-
	Trong đó:	
	+ NSNN giao	-
	+ Phí, lệ phí để lại	-
	+ Viện trợ	-
	- Kinh phí khác	306.800.000
	Loại 340 khoản 348	
A	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN	
B	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	
1	Kinh phí chưa quyết toán năm trước chuyển sang	-
2	Kinh phí thực nhận trong năm	2.723.000.000
	- Ngân sách nhà nước	2.723.000.000
	- Kinh phí khác	-
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm (1 + 2)	2.723.000.000
	- Ngân sách nhà nước	2.723.000.000
	- Kinh phí khác	-
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm	2.723.000.000
	- Ngân sách nhà nước	2.723.000.000
	- Kinh phí khác	-
5	Kinh phí giảm trong năm (nộp trả, giảm khác)	-
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau (3 - 4 - 5)	-
	Loại 370 khoản 371	
A	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN	
B	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	
1	Kinh phí chưa quyết toán năm trước chuyển sang	-
2	Kinh phí thực nhận trong năm	1.002.660.000

TT	Chỉ tiêu	Số kiểm toán
A	B	1
	- Ngân sách nhà nước	1.002.660.000
	- Kinh phí khác	-
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm (1 + 2)	1.002.660.000
	- Ngân sách nhà nước	1.002.660.000
	- Kinh phí khác	-
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm	1.002.660.000
	- Ngân sách nhà nước	1.002.660.000
	- Kinh phí khác	-
5	Kinh phí giảm trong năm (nộp trả, giảm khác)	-
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau (3 - 4 - 5)	-
Loại 490 khoản 502		
A	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN	
1	Kinh phí chưa quyết toán năm trước chuyển sang	2.469.013.734
	- Ngân sách nhà nước	1.643.505.605
	Trong đó:	
	+ NSNN giao	-
	+ Phí, lệ phí để lại	1.643.505.605
	+ Viện trợ	-
	- Kinh phí khác	825.508.129
2	Kinh phí thực nhận trong năm	84.728.061.511
	- Ngân sách nhà nước	66.262.466.000
	Trong đó:	
	+ NSNN giao	27.160.000.000
	+ Phí, lệ phí để lại	39.102.466.000
	+ Viện trợ	-
	- Kinh phí khác	18.465.595.511
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm (1 + 2)	87.197.075.245
	- Ngân sách nhà nước	67.905.971.605
	Trong đó:	
	+ NSNN giao	27.160.000.000
	+ Phí, lệ phí để lại	40.745.971.605
	+ Viện trợ	-
	- Kinh phí khác	19.291.103.640
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm	86.890.275.245
	- Ngân sách nhà nước	67.905.971.605

TT	Chỉ tiêu	Số kiểm toán
A	B	1
	Trong đó:	
	+ NSNN giao	27.160.000.000
	+ Phí, lệ phí để lại	40.745.971.605
	+ Viện trợ	-
	- Kinh phí khác	18.984.303.640
5	Kinh phí giảm trong năm (nộp trả, giảm khác)	-
	- Ngân sách nhà nước	-
	Trong đó:	
	+ NSNN giao	-
	+ Phí, lệ phí để lại	-
	+ Viện trợ	-
	- Kinh phí khác	-
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau (3 - 4 - 5)	306.800.000
	- Ngân sách nhà nước	-
	Trong đó:	
	+ NSNN giao	-
	+ Phí, lệ phí để lại	-
	+ Viện trợ	-
	- Kinh phí khác	306.800.000
B	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	
1	Kinh phí chưa quyết toán năm trước chuyển sang	-
2	Kinh phí thực nhận trong năm	12.029.414.000
	- Ngân sách nhà nước	12.029.414.000
	- Kinh phí khác	-
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm (1 + 2)	12.029.414.000
	- Ngân sách nhà nước	12.029.414.000
	- Kinh phí khác	-
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm	12.029.414.000
	- Ngân sách nhà nước	12.029.414.000
	- Kinh phí khác	-
5	Kinh phí giảm trong năm (nộp trả, giảm khác)	-
	- Ngân sách nhà nước	-
	- Kinh phí khác	-
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau (3 - 4 - 5)	-
	- Ngân sách nhà nước	-

TT	Chỉ tiêu	Số kiểm toán
A	B	1
	- Kinh phí khác	-
	Loại 490 khoản 503	
A	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN	
1	Kinh phí chưa quyết toán năm trước chuyển sang	-
2	Kinh phí thực nhận trong năm	1.880.000.000
	- Ngân sách nhà nước	1.880.000.000
	- Kinh phí khác	-
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm (1 + 2)	1.880.000.000
	- Ngân sách nhà nước	1.880.000.000
	- Kinh phí khác	-
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm	1.880.000.000
	- Ngân sách nhà nước	1.880.000.000
	- Kinh phí khác	-
5	Kinh phí giảm trong năm (nộp trả, giảm khác)	-
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau (3 - 4 - 5)	-
B	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	
	Loại 520 khoản 523	
A	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN	
1	Kinh phí chưa quyết toán năm trước chuyển sang	-
2	Kinh phí thực nhận trong năm	3.040.000.000
	- Ngân sách nhà nước	3.040.000.000
	- Kinh phí khác	-
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm (1 + 2)	3.040.000.000
	- Ngân sách nhà nước	3.040.000.000
	- Kinh phí khác	-
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm	3.040.000.000
	- Ngân sách nhà nước	3.040.000.000
	- Kinh phí khác	-
5	Kinh phí giảm trong năm (nộp trả, giảm khác)	-
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau (3 - 4 - 5)	-
B	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	
1	Kinh phí chưa quyết toán năm trước chuyển sang	-

TT	Chỉ tiêu	Số kiểm toán
A	B	1
2	Kinh phí thực nhận trong năm	199.400.000
	- Ngân sách nhà nước	199.400.000
	Trong đó:	
	+ NSNN giao	199.400.000
	+ Phí, lệ phí để lại	-
	+ Viện trợ	-
	- Kinh phí khác	-
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm (1 + 2)	199.400.000
	- Ngân sách nhà nước	199.400.000
	Trong đó:	
	+ NSNN giao	199.400.000
	+ Phí, lệ phí để lại	-
	+ Viện trợ	-
	- Kinh phí khác	-
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm	199.400.000
	- Ngân sách nhà nước	199.400.000
	Trong đó:	
	+ NSNN giao	199.400.000
	+ Phí, lệ phí để lại	-
	+ Viện trợ	-
	- Kinh phí khác	-
5	Kinh phí giảm trong năm (nộp trả, giảm khác)	-
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau (3 - 4 - 5)	-
	Loại 520 khoản 526	
A	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN	
B	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	
1	Kinh phí chưa quyết toán năm trước chuyển sang	-
2	Kinh phí thực nhận trong năm	178.789.261
	- Ngân sách nhà nước	178.789.261
	Trong đó:	
	+ NSNN giao	178.789.261
	+ Phí, lệ phí để lại	-
	+ Viện trợ	-
	- Kinh phí khác	-
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm (1 + 2)	178.789.261
	- Ngân sách nhà nước	178.789.261

TT	Chỉ tiêu	Số kiểm toán
A	B	1
	Trong đó:	
	+ NSNN giao	178.789.261
	+ Phí, lệ phí để lại	-
	+ Viện trợ	-
	- Kinh phí khác	-
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm	178.789.261
	- Ngân sách nhà nước	178.789.261
	Trong đó:	
	+ NSNN giao	178.789.261
	+ Phí, lệ phí để lại	-
	+ Viện trợ	-
	- Kinh phí khác	-
5	Kinh phí giảm trong năm (nộp trả, giảm khác)	-
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau (3 - 4 - 5)	-

TÌNH HÌNH THU, CHI SỰ NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

(Kèm theo Thông báo số 490/TB-DHN ngày 04/12/2018 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số kiểm toán
A	B	1
I	THU PHÍ, LỆ PHÍ	
1	Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm trước chuyển sang	-
2	Thu trong năm	39.165.011.000
2.1	Học phí	38.893.626.000
2.2	Lệ phí tuyển sinh	271.385.000
3	Chi trong năm	62.545.000
3.1	Chi hoàn trả học phí	61.775.000
3.2	Chi trả lệ phí tuyển sinh	770.000
4	Chênh lệch thu lớn hơn chi năm nay (1 + 2 - 3)	39.102.466.000
5	Nộp NSNN năm nay	-
6	Nộp cấp trên năm nay	-
7	Bổ sung nguồn kinh phí năm nay	39.102.466.000
8	Trích lập các quỹ năm nay	-
9	Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối năm nay (4 - 5 - 6 - 7 - 8)	-
II	THU SỰ NGHIỆP KHÁC	
1	Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm trước chuyển sang	566.301.500
2	Thu trong năm	18.872.734.747
	- Thu sự nghiệp khác	8.699.268.600
	- Thu chi phí đào tạo	5.906.802.872
	- Thu kinh phí NCKH	4.266.663.275
3	Chi trong năm	3.575.707.795
	- Chi trả lại học phí tín chỉ	46.050.000
	- Chi trả lại	27.400.000
	- Chi quyết toán kinh phí NCKH	3.502.257.795
4	Chênh lệch thu lớn hơn chi năm nay (1 + 2 - 3)	15.863.328.452
5	Nộp NSNN năm nay	263.461.960
6	Nộp cấp trên năm nay	-
7	Bổ sung nguồn kinh phí năm nay	14.269.159.512

STT	Chỉ tiêu	Số kiểm toán
A	B	1
8	Trích lập các quỹ năm nay	-
9	Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối năm nay (4 - 5 - 6 - 7 - 8)	1.330.706.980
III	HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ	
1	Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm trước chuyển sang	109.538.170
2	Thu trong năm	7.743.202.686
2.2	<i>Thu kinh doanh dịch vụ</i>	7.743.202.686
3	Chi trong năm	2.838.493.298
	Trong đó:	
	- Chi trả lại	1.704.357.000
	- Chi hoạt động sản xuất kinh doanh	977.016.131
	- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp	157.120.167
4	Chênh lệch thu lớn hơn chi năm nay (1 + 2 - 3)	5.014.247.558
5	Nộp NSNN năm nay	366.427.167
6	Nộp cấp trên năm nay	-
7	Bổ sung nguồn kinh phí năm nay	4.196.435.999
8	Trích lập các quỹ năm nay	-
9	Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối năm nay (4 - 5 - 6 - 7 - 8)	451.384.392
	TỔNG HỢP	
1	Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm trước chuyển sang	675.839.670
2	Thu trong năm	65.780.948.433
3	Chi trong năm	6.476.746.093
4	Chênh lệch thu lớn hơn chi năm nay (1 + 2 - 3)	59.980.042.010
5	Nộp NSNN năm nay	629.889.127
6	Nộp cấp trên năm nay	-
7	Bổ sung nguồn kinh phí năm nay	57.568.061.511
8	Trích lập các quỹ năm nay	-
9	Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối năm nay (4 - 5 - 6 - 7 - 8)	1.782.091.372